TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 556/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-12-2023
V/v: Ly hôn, nuôi con chung giữa Chị Trần Thị Thu H và Anh Trần Thượng V

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Bang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Quang Chung

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chung

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Hứa Thu Hằng – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên toà***: Ông Hoàng Tiến Nam – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 482/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số 10 đường H, phường P, thành phố N, tỉnh Nam Định. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Trần Thượng V, sinh năm 1975; nơi cư trú: Số 10 đường H, phường P, thành phố N, tỉnh Nam Định. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 21-11-2023, bản tự khai ngày 28-11-2023, đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là Chị Trần Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Trần Thượng V tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường P, thành phố N, tỉnh Nam Định ngày 21-10-2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống một thời gian thì phát sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng không hoà hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống, anh V không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng chị sống ly thân nhiều năm nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với Anh Trần Thượng V.

Về con chung: Chị và Anh Trần Thượng V có 02 con chung là Trần Phương L, sinh ngày 06-9-2012 (Giới tính: Nữ) và Trần Hương Ngọc D, sinh năm 24-01-2015 (Giới tính: Nữ). Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 18-12-2023 Chị Trần Thị Thu H trình bày: Chị giữ nguyên quan điểm đã trình bày. Do công việc bận không tham gia phiên tòa được nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn là Anh Trần Thượng V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án, nhưng anh V không đến làm việc nên không có quan điểm giải quyết vụ án.

3. Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 28-11-2023 của Toà án tại địa phương nơi cư trú của Chị Trần Thị Thu H và Anh Trần Thượng V xác nhận: Chị Trần Thị Thu H và Anh Trần Thượng V là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 21-10-2011 tại Uỷ ban nhân dân phường P, thành phố N. Chị H và anh V có 02 con chung là Trần Phương L, sinh ngày 06-9-2012 (Giới tính: Nữ) và Trần Hương Ngọc D, sinh năm 24-01-2015 (Giới tính: Nữ). Hiện hai cháu đang sống cùng gia đình tại số 10 đường H, phường P, thành phố N. Quá trình chung sống của chị H và anh V có xảy ra mâu thuẫn hay không thì chính quyền địa phương không nắm được. Gần đây chị H mới báo cáo về việc muốn giải quyết ly hôn do vợ chồng không quan tâm đến nhau.

4. Tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 28-11-2023, hai cháu Trần Phương L và Trần Hương Ngọc D đều có nguyện vọng được mẹ là Chị Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên toà:

Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn là Chị Trần Thị Thu H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là Anh Trần Thượng V chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Trần Thị Thu H. Về

con chung, căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao hai cháu Trần Phương L và Trần Hương Ngọc D cho Chị Trần Thị Thu H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Thu H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và công nợ: Chị Trần Thị Thu H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là Chị Trần Thị Thu H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị Thu H có đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với Anh Trần Thượng V. Xét thấy, tranh chấp giữa chị H và anh V là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là Anh Trần Thượng V đăng ký thường trú tại: Số 10 đường H, phường P, thành phố N, tỉnh Nam Định nên căn cứ Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

1.2. Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và Chị Trần Thị Thu H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn là Anh Trần Thượng V đã được tống đạt hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị H và anh V theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung vụ án.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu H và Anh Trần Thượng V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 21-10-2011 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố N, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống của chị H và anh V có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hoà hợp về tính cách, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh V không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Nguyên đơn là Chị Trần Thị Thu H giữ nguyên quan điểm đề nghị giải quyết ly hôn với Anh Trần Thượng V.

Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị H và anh V mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa Chị Trần Thị Thu H và Anh Trần Thượng V.

2.2. Về nuôi con chung: Chị Trần Thị Thu H và Anh Trần Thượng V có 02 con chung là Trần Phương L, sinh ngày 06-9-2012 (Giới tính: Nữ) và Trần Hương Ngọc D, sinh năm 24-01-2015 (Giới tính: Nữ).

Hiện tại hai con chung đang sống với chị H và anh V tại số 10 đường H, phường P, thành phố N. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Cháu Trần Phương L và cháu Trần Hương Ngọc D cũng đều có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng nếu bố mẹ ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Anh Trần Thượng V không đến Toà án làm việc, không có quan điểm về việc nuôi con chung. Xét nguyện vọng nuôi con của chị H là chính đáng, các con chung của anh chị còn nhỏ và có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, giao Chị Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung sẽ phù hợp, đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của các con chung sau khi bố mẹ ly hôn. Đồng thời việc giao con như vậy đúng với quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Thu H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2.3. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Trần Thị Thu H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là Chị Trần Thị Thu H phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa Chị Trần Thị Thu H và Anh Trần Thượng V.

2. Về nuôi con chung: Giao hai cháu Trần Phương L, sinh ngày 06-9-2012 (Giới tính: Nữ) và Trần Hương Ngọc D, sinh năm 24-01-2015 (Giới tính: Nữ) cho Chị Trần Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Thu H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Anh Trần Thượng V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn). Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn) chị

H đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001810 ngày 22 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

4. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Thu H và Anh Trần Thượng V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Chị Trần Thị Thu H và Anh Trần Thượng V có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. N
- Chi cục THADS TP. N;
- UBND phường P, TP. N (ĐK ngày 21-10-2011);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Bang